

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu
xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong
lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ
về quản lý vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ
về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng
Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư
xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng
Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD
ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác
định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/1/2025 của Bộ trưởng
Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD
ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác
định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư
số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn
một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi,
bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4112/TTr-SXD ngày 14/8/2025, kèm theo báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 2321/BC-STP ngày 13/8/2025;

Thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 05/9/2025 (Thông báo số 494/TB-UBND ngày 05/9/2025);

Ủy ban nhân dân ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Thuế tỉnh Hà Tĩnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đảng ủy, TTr HĐND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Hà Tĩnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh các Hợp tác xã tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, XD₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báu Hà

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(ban hành kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND ngày .../.../2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Những nội dung liên quan đến khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở: Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Thuế tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Điều 2. Nguyên tắc công bố giá vật liệu xây dựng

1. Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Giá vật liệu xây dựng được công bố phải phù hợp với giá thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu tại thời điểm công bố. Danh mục vật liệu xây dựng công bố được lựa chọn trên cơ sở danh mục vật liệu xây dựng có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành và danh mục các loại vật liệu xây dựng khác đủ điều kiện lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

3. Giá vật liệu xây dựng được công bố dùng để tham khảo trong lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo công khai, minh bạch nhằm tránh thất thoát, lãng phí trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, khách quan, thống nhất, toàn diện, đáp ứng yêu cầu trong quản lý nhà nước và trong công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện đúng thẩm quyền, đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ động phối hợp, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc đảm bảo khách quan, minh bạch, đúng thời gian theo quy định; bảo đảm chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng số.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính, không gây ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị và của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Cung cấp thông tin phục vụ thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Lựa chọn, lập danh mục vật liệu xây dựng có giá được công bố trên cơ sở danh mục vật liệu xây dựng có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành và danh mục các loại vật liệu xây dựng khác đủ điều kiện lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức khảo sát thông tin về giá vật liệu xây dựng phục vụ cho việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng theo yêu cầu của các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp, hội nghị, tập huấn.

3. Cử đại diện tham gia các hoạt động khảo sát thông tin giá vật liệu xây dựng theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

5. Sở Xây dựng chủ trì, tổ chức các hình thức phối hợp quy định tại Điều này đảm bảo hiệu quả, khả thi, tránh hình thức.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp lựa chọn, lập danh mục vật liệu xây dựng có giá được công bố

1. Sở Xây dựng

a) Trên cơ sở danh mục vật liệu xây dựng có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành và danh mục các loại vật liệu xây dựng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường, chủ trì tổ chức lựa chọn, lập danh mục vật liệu xây dựng có giá được công bố trên địa bàn tỉnh;

b) Căn cứ tình hình thị trường và yêu cầu đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, thường xuyên theo dõi, kịp thời cập nhật danh mục vật liệu xây dựng có giá được công bố;

c) Đối với những loại vật liệu xây dựng được nhiều đơn vị sản xuất hoặc có nhiều quy cách khác nhau, thì lựa chọn các loại có quy cách, nhãn mác được sử dụng phổ biến tại địa phương để đưa vào danh mục.

2. Các sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Thuế tỉnh Hà Tĩnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kịp thời thông báo bằng văn bản gửi Sở Xây dựng để cập nhật trong trường hợp có sự thay đổi về danh mục vật liệu xây dựng có giá được công bố (*danh mục các loại vật liệu xây dựng công bố, yêu cầu phải có sự thống nhất của các cơ quan, đơn vị liên quan*).

Điều 7. Phối hợp khảo sát, cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng

1. Định kỳ trước ngày 20 hằng tháng hoặc đột xuất (khi có biến động về giá vật liệu xây dựng theo phản ánh của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền), các cơ quan, đơn vị, địa phương có văn bản cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng hoặc thông tin liên quan đến việc khảo sát giá vật liệu xây dựng thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp; các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp. Cụ thể như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân công, phân cấp việc tiếp nhận kê khai giá theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý về hàng hoá là vật liệu xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin về giá các loại vật liệu xây dựng thuộc trường hợp phải thực hiện kê khai giá theo quy định (nếu có);

b) Chủ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng được sử dụng trong lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng do đơn vị quản lý (giá vật liệu trong dự toán xây dựng công trình được duyệt, trong giá gói thầu, trong giá trúng thầu, trong giá hợp đồng);

c) UBND các xã, phường có trách nhiệm cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng và danh sách các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn. Danh sách được cung cấp đầy đủ vào lần đầu; các tháng tiếp theo chỉ cập nhật, bổ sung các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới hoặc có thay đổi thông tin.

2. Thông tin về giá vật liệu xây dựng bao gồm:

a) Tên vật liệu, loại vật liệu xây dựng;

b) Đơn vị tính;

c) Tiêu chuẩn kỹ thuật;

d) Quy cách, gồm các thông tin về tính năng kỹ thuật, kích cỡ, màu sắc, chủng loại, kiểu cỡ của vật liệu xây dựng (nếu có);

đ) Nhà sản xuất (nếu có);

- e) Xuất xứ, thông tin về nước sản xuất (nếu có);
- g) Điều kiện thương mại, thông tin về khối lượng cung cấp, điều kiện giao hàng,...;
- h) Vận chuyển;
- i) Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo từng khu vực;
- j) Các thông tin khác có liên quan.

3. Căn cứ thông tin do các cơ quan, đơn vị cung cấp tại khoản 1 Điều này, Sở Xây dựng tổng hợp và tổ chức khảo sát thông tin về giá vật liệu xây dựng tại các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Phối hợp công bố giá vật liệu xây dựng

1. Sở Xây dựng

- a) Trên cơ sở thông tin về giá vật liệu xây dựng do các cơ quan, đơn vị cung cấp và kết quả điều tra khảo sát thông tin về giá vật liệu xây dựng để tổng hợp, xây dựng văn bản công bố giá vật liệu xây dựng theo quy định;
- b) Ban hành văn bản công bố giá vật liệu xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng theo quy định;
- c) Trong trường hợp cần thiết, Sở Xây dựng trao đổi thông tin, tham khảo giá vật liệu xây dựng trên địa bàn các tỉnh lân cận trước khi công bố để bảo đảm phù hợp với mặt bằng giá chung của khu vực.

2. Quá trình tham khảo, sử dụng thông tin về giá vật liệu được công bố, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc trường hợp mức giá vật liệu xây dựng được công bố chưa phù hợp với mức giá thực tế trên thị trường, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan và các chủ đầu tư kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổ chức soát xét, điều chỉnh theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Xây dựng.

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về công bố thông tin giá vật liệu xây dựng theo quy định;
- b) Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực phù hợp để thực hiện khảo sát, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật về đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;
- c) Tổ chức tiếp nhận, tổng hợp thông tin về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh và các ý kiến phản ánh khi có phát sinh bất cập giữa giá công bố và giá thực tế; chủ trì, lập kế hoạch khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng

khi cần thiết hoặc khi có biến động bất thường để kịp thời điều chỉnh, bổ sung giá công bố;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với vật liệu xây dựng theo quy định của Luật Giá năm 2023, Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, các quy định của pháp luật liên quan và phân công, phân cấp của UBND tỉnh;

e) Chủ trì tổ chức họp, hội nghị, tập huấn với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan để phối hợp cung cấp, cập nhật danh mục vật liệu xây dựng (đặc biệt các loại vật liệu mới); cử cán bộ tham gia khảo sát giá theo Điều 5 quy chế này để rà soát, thống nhất thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng;

g) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính.

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá liên quan đến vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, rà soát, cập nhật các loại vật liệu xây dựng vào danh mục để công bố kịp thời hằng tháng, hằng quý theo quy định;

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí hằng năm cho Sở Xây dựng từ nguồn ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ để tổ chức khảo sát hoặc thuê đơn vị tư vấn đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, làm cơ sở để Sở Xây dựng xem xét, công bố;

c) Phối hợp tham gia các hoạt động khảo sát, họp, hội nghị do Sở Xây dựng chủ trì khi có yêu cầu;

d) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Phối hợp, cung cấp thông tin các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất, đá, cát, sỏi...), thông tin về trữ lượng được cấp phép, công suất khai thác, thời hạn khai thác, lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng còn lại; trữ lượng và công suất khai thác mỏ vật liệu phù hợp với tiến độ, thời gian thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu;

b) Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra và có ý kiến về các yếu tố hình thành giá đối với các hồ sơ kê khai giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu;

c) Tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

d) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ.

a) Kịp thời cung cấp thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hiện hành để phục vụ công tác

kiểm tra hồ sơ chất lượng sản phẩm của tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan chuyên ngành;

b) Tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

c) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Công Thương.

a) Tổ chức thực hiện công tác quản lý thị trường đối với hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền, đúng quy định đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về giá;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra nhãn hàng hóa, việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;

c) Tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

d) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thuế tỉnh Hà Tĩnh.

a) Tham gia kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng khi có đề nghị phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra, có ý kiến về các nội dung liên quan đến thuế, phí, lệ phí trong các yếu tố hình thành giá và các nội dung theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị đối với các hồ sơ kê khai giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu; truy xuất, tổng hợp và cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng của các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường cho Sở Xây dựng khi có yêu cầu;

c) Tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

d) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

a) Tổ chức quản lý nhà nước về giá vật liệu xây dựng, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn về giá theo thẩm quyền hoặc theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Rà soát, lập và cập nhật danh mục tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn; gửi Sở Xây dựng lần đầu và định kỳ trước 31/01 hằng năm hoặc khi có sự thay đổi (báo cáo theo biểu mẫu số 01/DS-VLXD);

c) Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng chủ yếu, phổ biến tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khai thác vật liệu xây dựng trên địa

bàn, tổng hợp gửi Sở Xây dựng định kỳ trước ngày 20 hằng tháng để xem xét công bố giá định kỳ. Trường hợp mức giá bình quân của bất kỳ loại vật liệu xây dựng chủ yếu nào tăng hoặc giảm từ 5 % trở lên so với kỳ công bố giá gần nhất, UBND các xã, phường có trách nhiệm cập nhật trong 05 ngày làm việc khi có biến động, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp (báo cáo theo Biểu mẫu 02/ĐG-VLXD);

d) Chỉ đạo các phòng chuyên môn thường xuyên theo dõi, khảo sát, bám sát diễn biến của thị trường để kịp thời thông tin về Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Công Thương khi giá vật liệu xây dựng trên địa bàn có biến động bất thường (tăng hoặc giảm mạnh từ 5% trở lên) không phù hợp với thực tế hoặc không tương ứng với sự thay đổi các yếu tố đầu vào hình thành giá hoặc do các trường hợp bất khả kháng như khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh;

e) Cử cán bộ tham gia kiểm tra, xác minh hiện trường giá vật liệu khi có yêu cầu của Sở Xây dựng, Sở Tài chính hoặc yêu cầu của các cơ quan liên quan; tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

g) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

a) Các chủ đầu tư, nhà thầu trúng thầu các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin về giá (giá vật liệu xây dựng trong dự toán công trình được duyệt, trong giá gói thầu hoặc kết quả trúng thầu, hợp đồng) và thông tin chất lượng vật liệu xây dựng trong công trình theo quy định pháp luật, tổng hợp, báo cáo về Sở Xây dựng định kỳ trước ngày 20 hằng tháng (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp;

b) Khi tham khảo, sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý, tuân thủ yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và khảo sát giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm khảo sát chi phí và khu vực xây dựng công trình, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí theo quy định;

c) Tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì;

d) Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

9. Các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

a) Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp, định kỳ hằng tháng, hằng quý gửi thông tin giá vật liệu xây dựng (niêm yết giá, hóa đơn GTGT) về Sở Xây dựng

trước ngày 20 hằng tháng, ngày 15 của tháng cuối của quý hoặc khi có thay đổi về giá để phục vụ cho công tác công bố giá theo quy định (báo cáo theo Biểu mẫu 02/ĐG-VLXD);

b) Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết giá, kê khai giá theo đúng quy định;

c) Tuân thủ các quy định về sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định pháp luật;

d) Tham gia các hoạt động khảo sát thực tế, hội nghị, họp bàn về thông tin giá vật liệu xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan đến việc phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm nghiêm túc tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh đến Sở Xây dựng để tổng hợp./.

Stt	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
										Khu vực...	Khu vực...	Khu vực...
7	Cát xây											
8	Cát trát											
9	Cát đổ bê tông											
10	Cát san lấp											
11	Đất đắp K95											
12	Đất đắp K98											
13	Đá hộc											
14	Đá 4x6											
15	Đá 2x4											
16	Đá 1x2											
17	Đá 0,5x1											
18	Cấp phối đá dăm loại		TCVN 8859 : 2023									
19	Cấp phối đá dăm		TCVN 8859 : 2023	Dmax 37,5mm								
20	Cấp phối đá dăm		TCVN 8859 : 2023	Dmax 25mm								
21	Gạch đặc KT 220x105x65	viên	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x65								
22	Gạch 2 lỗ KT 220x105x65	viên	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x65								
23	Gạch đặc KT 210x100x60	viên	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 16:2023/BXD	KT 210x100x60								

Stt	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
										Khu vực...	Khu vực...	Khu vực...
24	Gạch đặc không nung KT 220x105x65	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT 220x105x65								
25	Gạch ống 2 lỗ không nung KT 210x100x60	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT 210x100x60								
26	Gạch đặc không nung KT 220x105x65	viên	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x65								
27	Gạch 2 lỗ không nung KT 220x105x65	viên	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x65								
28	Thép góc cạnh 25-200mm CT3	Kg	Không có thông tin	Thép V, chiều dài L =6m, 9m, 12m								
29	Thép hình H, I, U	Kg	Không có thông tin	H -Beam; I-Beam; U - Chanel								
30	Thép hộp mạ kẽm	Kg	Không có thông tin	Hộp vuông cạnh 14-60, dày 1.0 - 2.0; hộp chữ nhật 13-120, dày 1.0 - 2.0mm								
31	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng	Kg	Không có thông tin	đường kính từ 21-114, dày 1.0 - 2.5mm								
32	Thép ống đen	Kg	Không có thông tin	đường kính từ 21-114, dày 1.0 -								

Stt	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*		
										Khu vực...	Khu vực...	Khu vực...
				2.5mm								
33	Thép tấm các loại	kg	Không có thông tin	KT 1500x6000, 2000x6000, chiều dày từ 3,0÷25,0mm								
34	Thép tấm các loại	kg	Không có thông tin	KT 2000x6000, chiều dày từ 18,0÷25,0mm								
35	Thép tấm các loại	kg	Không có thông tin	KT 2000x6000, chiều dày từ 18,0÷25,0mm								
36												
37												
												

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(ký tên/ đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với UBND các xã, phường: ngoài danh mục VLXD trên, các đơn vị bổ sung thêm các loại khác theo thực tế của từng địa phương
- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh VLXD thì chỉ báo cáo các loại VLXD do mình sản xuất, cung cấp.
- Những mục có dấu (*) là bắt buộc;
- [4] Tiêu chuẩn kỹ thuật: ghi tiêu chuẩn sản xuất (tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn cơ sở), nếu không có thông tin thì ghi “không có thông tin”;
- [5] Quy cách: tính năng kỹ thuật, kích cỡ, màu sắc, chủng loại, kiểu cỡ...;
- [6] Nhà sản xuất: tên đơn vị sản xuất;
- [7] Xuất xứ: ghi tên nước sản xuất (nếu có);
- [8] Điều kiện thương mại: khối lượng cung cấp, điều kiện giao hàng...;
- [9] Vận chuyển: ghi thông tin về vận chuyển như: giao trên phương tiện bên mua; bán kính...km... (nếu không có thì ghi “không có thông tin”);
- [11] [12] [13] Khu vực:
- + “Khu vực...” là tên một hoặc một nhóm đơn vị hành chính;
- + Việc phân chia khu vực để công bố giá vật liệu xây dựng theo đặc điểm của địa phương;
- + Vật liệu có giá bán tại nơi sản xuất/cung cấp thì cột “khu vực” ghi tên đơn vị hành chính của nơi bán, đồng thời tại mục ghi chú ghi “Giá tại nơi bán”.